TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2026/DS-PT
Ngày: 29-6-2026
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn

Ông Trương Vĩnh Hữu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 193/2025/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực N – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 994/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N1, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: D, tổ B, ấp D, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2023)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị

Ngọc H, thuộc văn phòng L2, đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Lê Tuyết L1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Đinh Văn N trình bày:

Ngày 24/6/2020 ông N có cho bà L vay 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 15/7/2020 trả và ngày 28/7/2020 cho bà L vay 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 13/8/2020 trả, tổng cộng hai lần vay là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 1.000đ/1.000.000đ/ngày bà L có viết và ký tên trong biên nhận, từ khi vay tiền đến nay bà L không trả tiền lãi cũng như tiền vay. Cả 02 lần ông N đưa tiền trực tiếp cho bà L tại nhà bà Lê Tuyết L1. Biên nhận ngày 28/7/2020 chữ "C.Lan" gạch bỏ do bà L viết sai nên gạch ghi lại cho đúng tên ông N. Nay nguyên đơn yêu cầu bà L trả số tiền 400.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi thừa nhận có vay 400.000.000 đồng nhưng tôi vay tiền của bà Lê Tuyết L1 chứ không có vay tiền của ông N. Tôi xác định có viết và ký tên biên nhận nợ ngày 24/6/2020 và 28/7/2020 nhưng nội dung biên nhận do bà L1 yêu cầu ghi mượn tiền của ông N, thực chất tôi không biết ông N và cũng không nhận tiền từ ông N, số tiền 400.000.000 đồng tôi vay lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày, sau khi vay tôi đã trả đủ tiền vốn và lãi cho bà L1, nên tôi không đồng ý trả 400.000.000 đồng theo đơn kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Tuyết L1 trình bày:

Ông N kiện bà L theo 02 biên nhận tiền số tiền 400.000.000đồng là việc của 02 người bà không có liên quan. Bà có chứng kiến ông N đưa tiền cho bà L tại nhà bà. Nếu tiền của bà thì bà sẽ yêu cầu L viết biên nhận cho bà vì thực tế L cũng mượn tiền bà nhiều lần và có viết biên nhận nợ tiền bà. Bà cũng có mượn ông N tiền để cho bà L vay lại nên có đoạn tin nhắn mà bà L trình bày đây là khoản tiền khác không có liên quan đến số tiền ông N kiện bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 193/2025/DS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực N – Đồng Tháp đã áp dụng: Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N.

Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Đinh Văn N số tiền vay là 400.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/12/2026 bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có nhiều lập luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn choi rằng bị đơn chỉ vay tiền bà L1, bị đơn không biết ông N là người nào và không có vay tiền ông N, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào 02 biên nhận ngày 24/6/2020; ngày 28/7/2020 có chữ ký của bà L. Quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa các đương sự và bà L1 xác định khoản nợ 400.000.000 đồng theo hai biên nhận là khoản nợ của ông N cho bà L vay không liên quan đến các khoản nợ của bà với bà L. Căn cứ các chứng từ chuyển khoản từ bà L chuyển cho bà L1 từ năm 2020 đến 2023, bà L không xác định được khoản tiền nào đã chuyển cho bà L1 trong đó có trả cho khoản nợ 400.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà L.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực N- Đồng Tháp.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Trong năm 2020 ông Đinh Văn N có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là 02 biên nhận ngày 24/6/2020; biên nhận ngày 28/7/2020 do bà L viết và ký tên. Phía bà L thừa nhận có ký tên trong 02 biên nhận nhưng bà cho rằng bà không quen biết ông N và cũng không có vay tiền ông N mà chỉ vay tiền của bà Lê Tuyết L1 để đáo hạn Ngân hàng, do khi vay tiền bà L1 yêu cầu bà ghi tên ông N nên bà mới viết tên ông N.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị L xác lập hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông N nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L trả số tiền vốn 400.000.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không đồng ý trả cho ông Đinh Văn N số tiền vay 400.000.000 đồng, nhận thấy:

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là biên nhận ngày 24/6/2020 thể hiện bà L có mượn của "anh N" số tiền 200.000.000 đồng, ngày trả là ngày 15/7/2020; biên nhận ngày 28/7/2020 thể hiện bà L có mượn của N số tiền 200.000.000 đồng. Cả hai biên nhận đều thể hiện bà L mượn tiền của một người tên N nhưng không ghi cụ thể họ tên, năm sinh, địa chỉ. Bà L cho rằng bà không quen biết anh N, việc bà ghi tên anh N trong 02 biên nhận là do bà L1 vay tiền của anh N để cho bà vay lại nên khi viết biên nhận nợ bà L1 yêu cầu bà viết tên anh N để không bị nhầm lẫn với các khoản nợ tiền khác.

Xét thấy; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa các bên đương sự, bà L1 xác định số tiền 400.000.000 đồng anh N kiện đòi bà L theo 02 biên nhận là khoản vay giữa bà L với ông N không có liên quan đến các khoản vay giữa bà L1 với bà L.

Xét bà L cho rằng bà không biết ông N, không vay tiền ông N mà bà vay của bà L1 nhưng bà không chứng minh được việc bà viết biên nhận nợ ghi tên ông N, bởi bà L1 không thừa nhận khoản tiền vay 400.000.000 đồng do bà vay của ông N để cho bà L vay lại. Bà L vay tiền của bà thì biên nhận vay sẽ ghi tên bà L1 chứ không ghi tên ông N. Đồng thời, bà L cho rằng từ trước tới giờ bà chỉ vay tiền bà L1, kể cả số tiền 400.000.000 đồng theo 02 biên nhận do nguyên đơn cung cấp, không có vay tiền của ông N. Số tiền 400.000.000 đồng bà L đã trả xong cho bà

L1, thể hiện qua việc bà L cung cấp các bản sao kê của Ngân hàng bà L đã chuyển tiền cho bà L1 số tiền 17.474.900.000 đồng.

Xét bà L không chứng minh được trong các khoản tiền đã chuyển khoản cho bà L1 từ năm 2020 đến 2023 bà không xác định được khoản tiền nào đã trả cho bà L1 số tiền 400.000.000 đồng theo 02 biên nhận ghi tên anh N. Do đó lời trình bày của bà L là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn không là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 193/2025/DS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực N-Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N.

Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Đinh Văn N số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010822 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại ông Đinh Văn N tạm ứng án phí 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014791 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2026 có mặt nghe tuyên án bà Nguyễn Thị L, đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 5 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy